| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN Q**<br>**THÀNH PHỐ HÀ NỘI** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: **263**/2024/QĐST-HNGĐ | *Quốc Oai, ngày 27 tháng 12 năm 2024* |

# QUYẾT ĐỊNH

## CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

## TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Q, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 203/2024/TLST – HN&GĐ ngày 25 tháng 10 năm 2024 về việc "Xin ly hôn" giữa:

* Nguyên đơn: Chị **Bùi Thị H**, sinh năm 2000; căn cước công dân số: 017300007480 do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 04 tháng 12 năm 2021; đăng ký thường trú và nơi ở: xóm 7, thôn 3, xã T, huyện Q, thành phố Hà Nội;

* Bị đơn: Anh **Bùi Văn T**, sinh năm 1999; căn cước công dân số: 001099026881 do Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 02 tháng 10 năm 2019; đăng ký thường trú: xóm 7, thôn 3, xã T, huyện Q, thành phố Hà Nội; hiện đang cai nghiện bắt buộc tại Cơ sở cai nghiện ma túy số 1 Hà Nội; địa chỉ: xã Y, huyện B, thành phố Hà Nội;

Căn cứ vào các Điều 144; khoản 3, 4 Điều 147; Điều 212 và Điều 213 và của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 51; Điều 55; Điều 57; Điều 58; Điều 59 và Điều 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ điểm a, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Quan hệ hôn nhân giữa chị Bùi Thị H và anh Bùi Văn T là hợp pháp có Giấy chứng nhận kết hôn số: 40 ký ngày 12 tháng 11 năm 2019 tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Q, thành phố Hà Nội.

[2] Việc ly hôn và các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 19 tháng 12 năm 2024 là hoàn T tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

## QUYẾT ĐỊNH:

**1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:**

Chị **Bùi Thị H** và anh **Bùi Văn T**.

Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Anh chị xác nhận có 01 con chung là cháu **Bùi Văn T**, sinh ngày 29 tháng 11 năm 2020; Giao chị H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cháu T kể từ ngày ký quyết định cho đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có quyết định thay đổi khác. Tạm hoãn nghĩa vụ đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh T cho đến khi chị H có yêu cầu hoặc có quyết định thay đổi khác;

Anh Bùi Văn T có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung không ai được cản trở.

- Về tài sản chung (động sản và bất động sản): Anh chị xác nhận không có nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Sau khi ly hôn hai bên tự lo về nhà ở, không có khiếu kiện hay thắc mắc gì;

- Về khoản nợ: Anh chị xác nhận không vay nợ nhau, không vay nợ ai và cũng không cho ai vay nợ nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

**2. Về án phí**: Chị Bùi Thị H tự nguyện chịu 300.000 (*ba trăm nghìn*) đồng án phí ly hôn sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0020208 ngày 24 tháng 10 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Q, thành phố Hà Nội.

**3**. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm./.

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Q;
- Chi cục THA dân sự huyện Q;
- UBND xã T, huyện Q;
- Lưu hồ sơ vụ án Hôn nhân và gia đình.

**THẨM PHÁN**

(đã ký)

Nguyễn Ngọc Long